

Bản án số: 16/2025/DS-ST

Ngày 10 - 3 - 2025

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và bồi thường thiệt hại về sức khỏe”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG - KIÊN GIANG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Kiệt

2. Bà Võ Cẩm Tú

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:* Ông Phạm Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 92/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bồi thường thiệt hại về sức khỏe” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXX-ST ngày 17 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn H, sinh năm 1957.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn P, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Ấp Xẻo Lùng A, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Văn H trình bày:

Ông Trương Văn H cho ông Lê Văn P (Gọi tắt là ông H, ông P) vay tiền nhiều lần tổng số tiền 37.000.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 16/6/2022 cho vay

10.000.000đ, ông P vay để trả nợ cho bà Tám Lửa; ngày 24/6/2022 cho vay 20.000.000đ, ông P vay để trả nợ cho ông Hạnh, vì trước đây ông P vay tiền ông Hạnh để sang đất, do đóng lãi không nổi nên ông P vay tiền ông H trả nợ cho ông Hạnh; ngày 15/7/2022 cho vay 5.000.000đ, ông P vay để trả nợ cho ông Hợp (*Tức là trước đây ông Ni vay ông P, ông P mới đi vay ông Hợp, đến khi ông Hợp đòi thì ông P vay tiền ông H để trả cho ông Hợp*); ông P vay 2.000.000đ để ông P trả nợ cho bà Hiền (Ông H không nhớ ngày, tháng, năm cho ông P vay số tiền 2.000.000 đồng). Các lần ông H cho ông P vay tiền đều bằng miệng, không có lập thành văn bản. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Thời hạn đến lúa đông xuân năm 2022 – 2023 ông P trả cho ông H dứt gốc và lãi. Từ khi vay ông P có đóng tiền lãi cho ông H được số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Ngày 02/4/2023 ông H đến đòi thì bị ông P rượt đánh tại nhà ông Út Trình. Đồng thời, ông P dùng ghế gỗ đánh ông H nhiều cái, làm chảy máu tai và sau đó sự việc được Công an xã Thạnh Yên A lập biên bản. Ông H đến Trung tâm y tế huyện U Minh Thượng khám và nhập viện điều trị 07 ngày. Chi phí điều trị thuốc theo toa số tiền 1.845.284đ, tiền ăn uống, bồi dưỡng sức khỏe là 400.000đ, tiền xe là 240.000đ. Tổng cộng 2.485.284 đồng. Ông H yêu cầu ông P trả nợ vay gốc là 37.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật; tiền điều trị thương tích là 2.485.284đ.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ngày 07/12/2024 ông P đã bồi thường chi phí điều trị thương tích xong cho ông H số tiền 2.485.284đ. Ngày 20/12/2024 ông có làm đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền điều trị thương tích là 2.485.284đ.

Ông H yêu cầu ông P trả nợ vay gốc còn thiếu là 37.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 16/6/2022 âm lịch.

Bị đơn ông Lê Văn P trình bày: Ông thừa nhận ngày 02/4/2023, ông P có xảy ra xô sát với ông H và có đánh ông H gây thương tích. Ông P đồng ý bồi thường cho ông H chi phí điều trị thương tích là 2.485.284đ. Ngày 07/12/2024 ông P đã bồi thường xong cho ông H, số tiền 2.485.284 đồng.

Ông H yêu cầu ông P trả nợ vay là 37.000.000đ là không căn cứ, vì ông không có vay, mượn tiền ông H. Ông P có vay tiền bà Tám Lửa số tiền 10.000.000đ (không có làm biên nhận) nhưng ông vay dùng cho ông H, ông Thăm (mỗi người 5.000.000đ), ông đã trả xong cho bà Tám Lửa. Việc ông đưa

tiền cho ông H và ông Thăm không có biên nhận, không ai chứng kiến. Năm 2021 ông P có nợ ông Hạnh 20.000.000đ, đến khi ông thu hoạch lúa tháng 12/2021, thì ông đã trả xong cho ông Hạnh, nên không có việc ông P vay tiền ông H trả cho ông Hạnh.

Mặt khác, năm 2024 ông Hạnh bị bệnh tay biếng (chết năm 2024), nên chữ viết và ký tên trong giấy xác nhận nợ ngày 24/5/2023 không phải chữ viết, chữ ký của ông Hạnh, mà chữ viết của ông Trần Minh Quang (Cậu ruột ông P), còn chữ ký không biết của ai, nhưng không phải chữ ký của ông Hạnh. Ông không có vay tiền ông Hợp, không có nợ tiền của bà Hiền. Ông H trình bày không đúng sự thật.

Năm 2022, do ông và ông H có hùn tiền nhau đánh bài, trong khi đang đánh bài thua hết tiền, thì ông H có bỏ ra số tiền 14.000.000đ cho ông P đánh và tiếp tục thua. Vì vậy, ông P chịu $\frac{1}{2}$ là 7.000.000đ, ông đồng ý trả cho ông H số tiền 7.000.000 đồng. Ông P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông H giữ nguyên ý kiến rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông P đã bồi thường xong cho ông tiền điều trị thương tích là 2.485.284đ. Ông H yêu cầu ông P trả nợ vay gốc là 37.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 16/6/2022 âm lịch đến Tòa án xét xử.

Bị đơn ông P cho rằng không có vay tiền ông H với số tiền 37.000.000 đồng, nhưng ông P thừa nhận ngày 01/01/2022, ông có cùng với ông H hùn tiền đánh bài tại nhà ông H. Trong khi ông P đánh bài hết tiền thì ông H có bỏ ra cho ông P số tiền 14.000.000đ, để hùn đánh bài (tức là mỗi người chịu 7.000.000đ) nếu đánh bài thắng thì chia tiền nhau nhưng đều thua hết tiền. Lẽ ra, ông và ông H mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$, bằng số tiền 7.000.000 đồng, nhưng ông P đồng ý chịu số tiền 10.000.000 đồng, nên ông xin trả lại cho ông H tiền hùn đánh bài là 10.000.000 đồng. Ông P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn ông H, về số tiền 37.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các

đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu ông H xin rút nội dung về việc bồi thường tiền thuốc điều trị thương tích cho ông H với số tiền 2.485.284đ; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H; buộc ông P có trách nhiệm trả lại cho ông H số tiền 14.000.000 đồng và chịu lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H đối với bị đơn ông P thì đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và bồi thường thiệt hại về sức khỏe, giao dịch vay tài sản và thiệt hại sức khỏe xảy ra từ năm 2022, nên được điều chỉnh theo quy định tại Điều 463, Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 07/12/2024 ông P đã bồi thường chi phí điều trị thương tích cho ông H với số tiền 2.485.284 đồng. Ngày 20/12/2024 ông H có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền điều trị thương tích. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của ông H là hoàn toàn tự nguyện, ông P đã bồi thường xong chi phí điều trị thương tích cho ông H, số tiền 2.485.284 đồng. Vì vậy, HĐXX chấp nhận và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu ông P trả số tiền điều trị thương tích là 2.485.284 đồng, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn ông H yêu cầu bị đơn ông P trả nợ vay là 37.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật; còn bị đơn ông P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng không có vay tiền ông H.

+ Ông H cho rằng: Ngày 16/6/2022 ông H cho ông P vay 10.000.000đ, ông P vay để trả cho bà Tám Lửa. Việc này ông P thừa nhận có vay bà Tám Lửa 10.000.000đ nhưng vay dùm cho ông H và ông Thăm mỗi người 5.000.000đ, ông P đã trả xong cho bà Tám Lửa. Ông P không có vay ông H 10.000.000 đồng.

+ Ngày 24/6/2022 ông H cho ông P vay 20.000.000đ, để ông P trả nợ cho ông Hạnh, vì trước đây ông P vay tiền của ông Hạnh để sang đất của ông H do đóng lãi không nổi nên ông P vay tiền ông H trả cho ông Hạnh. Ông H có cung cấp Giấy xác nhận nợ tên Ngô Hồng Hạnh ngày 24/5/2023 xác nhận việc ông P nói vay tiền ông H trả cho ông Hạnh, tới làm lúa trả cho ông H một lần cả vốn và lãi (BL: 14).

Theo ông P xác định năm 2021, ông có nợ ông Hạnh là 20.000.000đ, đến khi thu hoạch lúa tháng 12/2021, thì ông đem tiền bán lúa trả cho ông Hạnh. Ông P không vay tiền ông H để trả cho ông Hạnh. Ông Hạnh bị tay biếng và chết năm 2024, nên chữ viết và ký tên trong giấy xác nhận nợ ngày 24/5/2023 không phải chữ viết, chữ ký của ông Hạnh mà chữ viết của ông Trần Minh Quang (Cậu ruột ông P), còn chữ ký không biết của ai, nhưng không phải chữ ký của ông Hạnh.

+ Ngày 15/7/2022 ông H cho ông P vay 5.000.000đ. Số tiền này ông Ni hỏi vay ông P, ông P mới đi vay ông Hợp, đến khi ông Hợp đòi thì ông P vay tiền ông H để trả cho ông Hợp.

+ Ông H cho ông P vay thêm 2.000.000đ để trả nợ cho bà Hiền. Ông H không nhớ ngày, tháng, năm nào.

Ông P cho rằng ông H trình bày là không đúng, vì ông không có vay tiền ông Hợp 5.000.000 đồng, không có nợ bà Hiền số tiền 2.000.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai ông Trần Minh Quang có quan hệ Cô cậu ruột với ông H, quan hệ Cậu cháu ruột với ông P. Ông Quang khẳng định Giấy xác nhận nợ ngày 24/5/2023 đứng tên Ngô Hồng Hạnh là do ông Quang viết, nhưng chữ ký tên là của ông Hạnh. Vì ông Hạnh lớn tuổi, bị bệnh không viết chữ được. Lý do ông Quang viết giấy xác nhận nợ thay cho ông Hạnh là sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì có yêu cầu ông H cung cấp tài liệu, chứng cứ, nên ông H kêu ông Quang chứng kiến và có đến nhà ông Hạnh, lúc đó ông Hạnh trình bày thì ông Quang viết lại như lời ông Hạnh nói. Cụ thể: Ông Hạnh nói là ông P có nợ tiền ông Hạnh là 20.000.000đ và được ông P trả cho ông Hạnh đủ

20.000.000đ. Ông Hạnh hỏi ông P có tiền đâu trả cho ông Hạnh gốc 20.000.000đ, thì ông P trả lời là vay của ông H, đến lúc thì ông P sẽ trả gốc và lãi cho ông H (BL: 47). Ông Hạnh đã chết vào khoảng tháng 8/2024 âm lịch.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 10/02/2025 bà Nguyễn Thị Mỹ Dung là vợ ông Ngô Hồng Hạnh, bà Dung trình bày: Ông H gọi ông Hạnh bằng Chú, ông P gọi ông Hạnh bằng ông Cậu. Bà Dung xác định chữ ký và viết tên trong đơn yêu cầu ngày 10/11/2024 là của bà Dung (BL: 18), nhưng bà chỉ biết trong đơn yêu cầu ngày 10/11/2024 có đề cập đến chồng của bà là ông Ngô Hồng Hạnh nên ông H đưa cho bà ký tên người làm chứng thì bà ký tên. Bà Dung không chứng kiến ngày 16/6/2022 ông H đưa tiền cho ông P 10.000.000đ, không chứng kiến ông P đem tiền trả cho bà Lương Thị Tám. Bà Dung không chứng kiến, không biết việc ông P vay tiền của ông H 22.000.000đ. Khi ông P trả nợ cho bà Dung, ông Hạnh thì bà có nghe ông P nói đây là tiền vay của ông H để trả cho vợ chồng ông Hạnh, bà Dung 20.000.000đ. Bà Dung cũng không chứng kiến ngày 15/7/2022 âm lịch ông H cho ông P vay 5.000.000đ (BL 46).

Lời trình bày của những người làm chứng là ông Trần Minh Quang, bà Nguyễn Thị Mỹ Dung cho thấy ông Ngô Hồng Hạnh và bà Dung không trực tiếp chứng kiến ông H có cho ông P vay tiền hay không mà trình bày là chỉ nghe ông P nói lại. Trong quá trình giải quyết vụ án ông P không thừa nhận việc này và khẳng định không có vay ông H tổng số tiền 37.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H trình bày khi cho ông P vay tiền chỉ ghi vào sổ theo dõi nợ, nhưng trong sổ theo dõi nợ không có chữ ký và chữ viết của ông P, do Cậu Cháu với nhau nên cũng không làm biên nhận nợ. Các lần ông H cho ông P vay, tổng số tiền 37.000.000 đồng, đều là hợp đồng bằng miệng, không có biên nhận nợ.

Từ những chứng cứ ông H cung cấp và Tòa án thu thập được chưa đủ cơ sở để xác định ông H cho ông P vay số tiền 37.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông P thừa nhận ngày 01/01/2022 ông có cùng với ông H hùn tiền đánh bài với nhau. Trong khi ông P đánh bài hết tiền thì ông H có bỏ ra cho ông P số tiền 14.000.000đ, để hùn đánh bài (Tức là mỗi người chịu 7.000.000đ) nếu đánh bài thắng thì chia tiền nhau nhưng đều thua hết tiền. Lẽ ra, ông P trả cho ông H $\frac{1}{2}$ số tiền hùn đánh bài, bằng 7.000.000đ, nhưng tại phiên tòa ông P đồng ý trả cho ông H tiền hùn đánh bài là 10.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn ông H không đồng ý, mà ông H cho rằng số tiền 14.000.000 đồng là tiền ông cho vay trong

tổng số tiền 37.000.000 đồng. Đồng thời, ông H có nhận tiền lãi suất ông P là 3.000.000 đồng. Từ lời thừa nhận của ông P, HĐXX có căn cứ xác định ông P có vay ông H số tiền 14.000.000 đồng.

Ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông P trả cho ông H số tiền 14.000.000 đồng.

[4]. Về phần tiền lãi suất: Theo nguyên đơn ông H trình bày bị đơn ông P vay nhiều lần số tiền 37.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, nhưng bị đơn ông P không thừa nhận vay ông H số tiền 37.000.000 đồng, mà chỉ thừa nhận ngày 01/01/2022 bị đơn ông P có nhận tiền hùn đánh bài của ông H là 14.000.000 đồng. Cho thấy khi ông H giao cho ông P số tiền 14.000.000 đồng các bên không có thỏa thuận về lãi suất. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (Lãi suất khoản 1 Điều 468 BLDS là 20%/năm: $\text{Bằng } 20\%/\text{năm} \times 50\% = 10\%/\text{năm}$, bằng 0,83%/tháng).

Lãi suất tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 10/3/2025 là 38 tháng 09 ngày: $14.000.000\text{đ} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 38 \text{ tháng} \times 09 \text{ ngày} = 4.450.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, ông P phải trả cho ông H nợ gốc, lãi là 18.450.000 đồng. Tại phiên tòa ông H thừa nhận trong quá trình ông P vay 37.000.000 đồng, thì ông P có trả tiền lãi cho ông H là 3.000.000đ. Lẽ ra, phải khấu trừ tiền lãi 3.000.000 đồng cho ông P, nhưng ông P không thừa nhận là có đóng tiền lãi suất cho ông H số tiền 3.000.000 đồng và ông P từ chối cần trừ cho ông số tiền 3.000.000 đồng. Do vậy, HĐXX không khấu trừ cho ông P tiền lãi suất 3.000.000 đồng.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $18.450.000\text{đ} \times 5\% = 922.500 \text{ đồng}$ (Làm tròn 922.000 đồng).

Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 1.150.000đ, nhưng ông H có đơn xin miễn tiền án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, HĐXX miễn toàn bộ tiền án phí phải nộp cho ông Hưởng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 39, 91, điểm c khoản 2 Điều 217, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H về việc yêu cầu ông Lê Văn P trả tiền điều trị thương tích là 2.485.284đ (Hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H đối với ông Lê Văn P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê Văn P trả cho ông Trương Văn H số tiền 18.450.000 đồng (Mười tám triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó, gốc 14.000.000 đồng, lãi 4.450.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu ông P trả nợ vay còn thiếu là 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 922.000 đồng (Chín trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Miễn toàn bộ tiền án phí cho ông Trương Văn H số tiền 1.150.000đ, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng